

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13/CB-THN/CÔNG TY CP SỮA TH/2023

(Số TCCS 13:2023/THM)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Sữa TH**

Địa chỉ: Xóm Bình Nghĩa, Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383963090 Fax: 02383963091

E-mail: chamsockhachhang@thmilk.vn

Mã số doanh nghiệp: 2901138688

Công ty đã được cấp chứng nhận FSSC 22000 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

SỮA HẠT VÀ GẠO LÚT ĐỎ TH true NUT

2. **Thành phần:** Dịch gạo lứt đỏ (38,4%), sữa bò tươi, dịch hạt óc chó và mắc ca (20%), dịch yến mạch, chà là cô đặc (1,5%), chất ổn định (471, 412, 418), màu tự nhiên (150d, 120), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 9 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói: Hộp giấy có thể tích thực 180 ml.

4.2 Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói trong hộp giấy, các lớp tiếp xúc với thực phẩm là PE, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

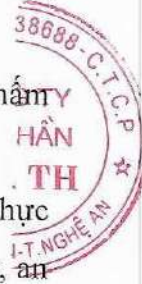
Nghệ An, ngày 05 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Ông Giám đốc



Arghya Mandal





TH true NUT



Câu chuyện thật của TH

Trân quý Mẹ Thiên nhiên

Giữ trọn giá trị thật của bộ hạt

Bạn tặng điều quý giá nhất của cuộc sống là sức khỏe

Bộ sản phẩm sữa hạt ra đời là ý tưởng về cuộc sống tươi đẹp hơn mỗi ngày mà chúng tôi gửi đến bạn dưới dạng sữa hạt TH true NUT: TH true NUT - Hoàn toàn từ thiên nhiên.

True

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Hotline 1800 54 54 40

Email: chamsackhachang@thmilk.vn
Website: www.thmilk.vn



NUTS and WHOLE GRAIN
RED RICE
Milk

NATURAL SWEETNESS
FROM DATE FRUIT AND RICE

Net content:
180 ml

TH true NUT



Sữa
HẠT và GẠO LỨT ĐỎ

VỊ NGỌT TỰ NHIÊN
TỪ CHÀ LÀ VÀ GẠO

Thể tích thực:
180 ml

Thành Phần Dinh Dưỡng Trung Bình Trong 100 ml *

Nutrition Information Per 100 ml		
Năng lượng / Energy	53,1	kcal
Hydrat carbon / Carbohydrate	8,5	g
Chất đạm / Protein	1,4	g
Chất béo / Fat	1,5	g

THÀNH PHẦN: Dịch gạo lứt đỏ (39,4%), sữa bò tươi, dịch hạt óc chó và mắc ca (20%), dịch yến mạch, chà lả cô đặc (1,5%), chất ổn định (471, 412, 418), màu tự nhiên (150d, 120), chất điều chỉnh độ acid (500(i)).

INGREDIENTS: Whole grain red rice extract (39.4%), fresh cow milk, walnut and macadamia extract (20%), oat extract, date fruit concentrate (1.5%), stabilizers (471, 412, 418), natural colorings (150d, 120), acidity regulator (500(i)).

KHÔNG SỬ DỤNG CHẤT BẢO QUẢN

NO ADDED PRESERVATIVES

VỊ NGỌT TỰ NHIÊN TỪ CHÀ LÀ VÀ GẠO

NATURAL SWEETNESS FROM DATE FRUIT AND RICE

AND RICE

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

Store in a cool and dry place.

Ngon hơn khi uống lạnh.

Best served chilled.

Lắc đều trước khi sử dụng.

Shake well before use.

Sử dụng ngay sau khi mở.

Consume immediately after opening.

Sản phẩm có chứa hạt óc chó, hạt mắc ca, yến mạch, sữa.

Contains: Walnuts, macadamias, oats, milk.

(*) Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Production & expiry date: See on pack.

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA TH

Xóm Bình Nghĩa, Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn,

Tỉnh Nghệ An.

Sản xuất tại Việt Nam / Made in Vietnam.

Product of: TH MILK JOINT STOCK COMPANY

Số TCCS 13:2023/THM

Được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng

quyền sở hữu trí tuệ.



TH true NUT



NUTS and WHOLE GRAIN
RED RICE
Milk

NATURAL SWEETNESS
FROM DATE FRUIT AND RICE

Net content:
180 ml



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 13916/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ Name of sample: SỮA HẠT VÀ GẠO LỨT ĐỎ TH true NUT
Nuts and whole grain red rice milk TH true NUT
2. Mã số mẫu/ Sample code: 04233807/DV.6
3. Mô tả mẫu
Sample description: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 4.
Sample is put in sealed packages. Quantity: 4.
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
According to Guideline NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: 21/04/2023
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 21/04/2023 - 28/04/2023
8. Nơi gửi mẫu
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA TH
Địa chỉ: Xóm Bình Nghĩa, Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn,
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
TH MILK JOINT STOCK COMPANY
Address: Binh Nghia Hamlet, Nghia Binh Commune, Nghia Dan District,
Nghe An Province, Vietnam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s) Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật
Physicochemical and Microbiological tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/mL	TCVN 4991:2005	KPH/ND (LOD: 1)
9.2*	Coliforms	CFU/mL	TCVN 6848:2007	KPH/ND (LOD: 1)
9.3*	<i>Escherichia coli</i>	CFU/mL	TCVN 7924-2:2008	KPH/ND (LOD: 1)
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/mL	TCVN 8881:2011	KPH/ND (LOD: 1)
9.5*	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/mL	ISO 6888-1:2021	KPH/ND (LOD: 1)
9.6*	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/mL	TCVN 6189-2:2009	KPH/ND (LOD: 1)
9.7*	Tổng số nấm men, nấm mốc Total yeasts and molds	CFU/mL	TCVN 8275-1:2010	KPH/ND (LOD: 1)
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí Total plate count	CFU/mL	TCVN 4884-1:2015	KPH/ND (LOD: 1)
9.9*	Hàm lượng Chì Lead content	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH/ND (LOD: 0,004)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phương pháp thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
 VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
 VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
 Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.10*	Hàm lượng Aflatoxin B1 Aflatoxin B1 content	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH/ND (LOD: 0,5)
9.11*	Hàm lượng Aflatoxin M1 Aflatoxin M1 content	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH/ND (LOD: 0,01)
9.12*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số Total Aflatoxin content (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH/ND (LOD: 0,5)
9.13*	Hàm lượng Ochratoxin A Ochratoxin A content	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH/ND (LOD: 0,5)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Note: ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

Hà Nội, 28/04/2023

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR



TS. Lê Thị Phương Thảo
Le Thi Phuong Thao, PhD.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
 4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngõ Quyền, P. Đồng Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 13915/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ Name of sample: SỮA HẠT VÀ GẠO LỨT ĐỎ TH true NUT
Nuts and whole grain red rice milk TH true NUT
2. Mã số mẫu/ Sample code: 04233807/DV.6
3. Mô tả mẫu
Sample description: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 4.
Sample is put in sealed packages. Quantity: 4.
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
According to Guideline NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: 21/04/2023
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 21/04/2023 - 28/04/2023
8. Nơi gửi mẫu
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA TH
Địa chỉ: Xóm Bình Nghĩa, Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn,
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
TH MILK JOINT STOCK COMPANY
Address: Bình Nghĩa Hamlet, Nghĩa Bình Commune, Nghĩa Dan District,
Nghệ An Province, Vietnam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s) Các chỉ tiêu Hóa lý
Physicochemical tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	Hàm lượng Carbohydrat Carbohydrate content	g/100mL	NIFC.02.M.06	9,06
9.2*	Hàm lượng Chất béo Fat content	g/100mL	TCVN 6688-3:2007	1,60
9.3*	Hàm lượng Protein Protein content	g/100mL	TCVN 8099-1:2015	1,40
9.4*	Năng lượng Energy	kcal/100mL	NIFC.02.M.06	56,2

Hà Nội, 28/04/2023

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

PP. DIRECTOR GENERAL

DEPUTY DIRECTOR



★ TS. Lê Thị Phương Thảo

Le Thi Phuong Thao, PhD.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiên kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 13917/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ Name of sample: SỮA HẠT VÀ GẠO LỨT ĐỎ TH true NUT
Nuts and whole grain red rice milk TH true NUT
2. Mã số mẫu/ Sample code: 04233807/DV.6
3. Mô tả mẫu
Sample description: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 4.
Sample is put in sealed packages. Quantity: 4.
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
According to Guideline NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: 21/04/2023
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 21/04/2023 - 28/04/2023
8. Nơi gửi mẫu
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA TH
Địa chỉ: Xóm Bình Nghĩa, Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn,
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
TH MILK JOINT STOCK COMPANY
Address: Binh Nghia Hamlet, Nghia Binh Commune, Nghia Dan District,
Nghe An Province, Vietnam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s): Chỉ tiêu Hóa lý
Physicochemical test

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	Hàm lượng Melamin Melamine content	mg/kg	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	KPH/ND (LOD: 0,05)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Note: ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

Hà Nội, 28/04/2023

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

PP. DIRECTOR GENERAL

DEPUTY DIRECTOR



TS. Lê Thị Phương Thảo

Le Thi Phuong Thao, PhD.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.